

GIA TĂNG SỰ THẬN TRỌNG

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Thép năm 2025

Các dự án đầu tư công trọng điểm được đẩy mạnh, với kế hoạch giải ngân tăng 17% trong năm 2025, đạt 790 nghìn tỷ đồng, với các dự án chính bao gồm đường cao tốc, sân bay và cảng biển, và các dự án đường sắt, ga tàu. Qua đó, mang lại cơ hội lớn cho ngành thép trong việc đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng.

Khởi xướng thuế chống bán phá giá với thép HRC từ Trung Quốc và Ấn Độ giúp gia tăng sản lượng bán hàng trong nước. Ngoài ra, giá thép tạo đáy đi lên và giá nguyên vật liệu tăng chậm góp phần cải thiện biên lợi nhuận.

Ngoài ra, thị trường bất động sản phục hồi khi nhu cầu từ các dự án nhà ở thương mại ngày càng tăng cũng góp phần thúc đẩy tiêu thụ thép.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index tăng 2,26 điểm trong phiên 11/03 kết phiên ở mức 1.332,54 điểm. Thanh khoản giảm 8,72% so với phiên giao dịch ngày 10/03. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 211 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường có khả năng dao động trong vùng 1.310-1.340 điểm trong phiên giao dịch ngày 12/03. Thị trường tiếp tục ghi nhận một phiên giao dịch tích cực và giữ vững mốc 1.330 điểm mặc dù sắc đỏ chiếm ưu thế trong phiên. Mặc dù nhóm cổ phiếu trụ liên tục dẫn dắt thị trường, tuy nhiên, khối ngoại vẫn duy trì bán ròng, kết hợp với áp lực chốt lời gia tăng, khiến tâm lý NĐT trở nên thận trọng hơn. Việc liên tục đạt được các mốc chỉ số cao có thể kích hoạt làn sóng bán tháo, gây ra những đợt điều chỉnh mạnh. Do vậy, thị trường có thể sẽ phải kiểm định lại mức 1.330 điểm trong thời gian tới.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



| Chỉ báo | RSI14 | MFI | MA10 | MA20 | MA50 | MA100 |
|-----------|-------|-------|----------|----------|----------|----------|
| Giá trị | 75,93 | 78,10 | 1.314,92 | 1.299,97 | 1.273,73 | 1.263,97 |
| Hành động | Bán | Bán | Mua | Mua | Mua | Mua |

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

HPG

Khuyến nghị: **Mua**

TP: **32.000 VND** | UPSIDE: **+15%**

Chiến lược hành động

MUA: Nhà đầu tư ưu tiên chiến lược quan sát, chỉ giải ngân cổ phiếu có KQKD quý 4/2024 tăng trưởng tốt và vẫn giữ được vùng giá mua an toàn.

BÁN: NĐT quan sát tín hiệu tăng trưởng của thị trường và cân nhắc vùng giá tốt để hạ tỷ trọng danh mục các mã cổ phiếu yếu không có khả năng phục hồi mạnh, chốt lời một phần các cổ phiếu đã tạo được lợi nhuận thời gian qua.

Tổng quan thị trường

| Thị trường | Giá trị | %Δ |
|------------------|----------|--------|
| VN-Index | | |
| Đóng cửa | 1.332,54 | 0,17 |
| KLCP (triệu CP) | 933,34 | -8,72 |
| GTGD (tỷ VND) | 21.388 | -6,09 |
| Khớp lệnh | 18.990 | -4,56 |
| Thỏa thuận | 2.398,5 | -16,64 |
| HNX-Index | | |
| Đóng cửa | 240,58 | 0,45 |
| KLCP (triệu CP) | 62,38 | -10,09 |
| GTGD (tỷ VND) | 1.223,0 | -1,01 |
| UPCoM | | |
| Đóng cửa | 99,40 | 0,24 |
| KLCP (triệu CP) | 49,52 | -30,36 |
| GTGD (tỷ VND) | 739,0 | -18,17 |

Diễn biến TTCK Mỹ: Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/03, chỉ số S&P 500 lùi 0.76% xuống 5,572.07 điểm. Tại mức thấp nhất trong phiên, chỉ số này đã sụt 10^ so với mức đóng cửa cao kỷ lục. Chỉ số Dow Jones mất 478.23 điểm (tương đương 1.14%) còn 41,433.48 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite hạ 0.18% xuống 17,436.10 điểm.

Thế giới: Châu Âu đang đối mặt với cuộc khủng hoảng năng lượng sau khi giảm nhập khẩu khí đốt từ Nga trong bối cảnh cuộc chiến Ukraine. Mặc dù đã đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, nhu cầu tăng cao trong mùa đông và kho khí đốt của EU chỉ còn hơn 30% công suất dự trữ, nhiều quốc gia kêu gọi tái khôi phục các thỏa thuận khí đốt với Nga để đối phó với tình trạng thiếu hụt. EU đã thực hiện các biện pháp như tăng nhập khẩu LNG từ Mỹ và giảm phụ thuộc vào khí đốt Nga, đồng thời hướng tới mục tiêu năng lượng sạch hơn trong tương lai. Tuy nhiên, nguồn năng lượng tái tạo không đủ để đáp ứng nhu cầu trong những tình huống khẩn cấp, khiến khí đốt Nga trở lại là một giải pháp được xem xét

Việt Nam: Ngày 11/2/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã chủ trì Hội nghị với các ngân hàng thương mại lớn, thảo luận về giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, với mục tiêu tăng trưởng GDP từ 8% trở lên. Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16% trong năm 2025, có thể điều chỉnh lên 18-20% nếu GDP tăng 10%. Ông Nguyễn Quang Thuận, Chủ tịch FiiGroup, cho rằng ngành ngân hàng sẽ duy trì tăng trưởng cao, nhưng cần quản trị rủi ro và phân bổ vốn vào các ngành phù hợp như bất động sản khu công nghiệp, dân cư và năng lượng tái tạo. Các chuyên gia dự báo thị trường bất động sản sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2025, đặc biệt là các dự án hạ tầng và nhà ở, nhờ vào tín dụng giá rẻ và cải cách pháp lý.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.470.

Vàng: Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/03, hợp đồng vàng giao ngay tiến 1% lên 2,917.79 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0.7% lên 2,920.90 USD/oz. Chỉ số đồng USD chạm mức thấp nhất kể từ giữa tháng 10/2024. Đồng USD suy yếu làm vàng được neo giá theo đồng bạc xanh trở nên ít đắt đỏ hơn đối với người nắm giữ những đồng tiền khác.

FPT: FPT vừa ký kết hợp đồng khung trị giá 67 triệu USD với KMP Aryadhana, một thương xã hàng đầu Indonesia, trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Tô Lâm tới Indonesia. Thỏa thuận kéo dài 5 năm, tập trung vào triển khai các sáng kiến ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị Doanh nghiệp) trong các lĩnh vực như quản lý rác thải, giáo dục số, và nông nghiệp số. FPT sẽ đóng góp công nghệ tiên tiến như AI, blockchain, và điện toán đám mây vào các sáng kiến này. Hợp tác này nhằm tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của KMP Aryadhana tại Yogyakarta và thúc đẩy phát triển bền vững. FPT cũng sẽ giúp triển khai các sáng kiến chuyển đổi số và thành lập phòng nghiên cứu AI tại Yogyakarta, đồng thời mở rộng mô hình ra toàn quốc và toàn cầu. Mục tiêu của FPT là trở thành trung tâm chiến lược tại ASEAN, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ số.

HDB: HDBank vừa thanh toán hơn 1,6 tỷ đồng gốc và lãi cho lô trái phiếu mã HDB1924_07, được phát hành vào năm 2019, với tổng giá trị phát hành 1,5 tỷ đồng. Lô trái phiếu này có kỳ hạn 5 năm và đáo hạn vào ngày 28/12/2024. Bên cạnh đó, HDBank thông báo chào bán trái phiếu đợt 1 trong năm 2025, phát hành 2 lô trái phiếu với tổng giá trị huy động tối đa 5.000 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn cấp 2 và phục vụ nhu cầu cho vay. Lãi suất trái phiếu được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ và thanh toán lãi định kỳ hàng năm. Thời gian nhận đăng ký từ 3-24/3/2025, với mức đăng ký tối thiểu từ 50 triệu đồng đối với nhà đầu tư cá nhân. Sau khi kết thúc đợt 1, đợt 2 dự kiến sẽ triển khai trong quý II/2025, với tổng giá trị huy động lên tới 10.000 tỷ đồng.

Chứng khoán thế giới

| Thị trường | Điểm số | %Δ | YTD |
|------------|-----------|--------|--------|
| SP500 | 5.572,07 | -0,76% | -5,05% |
| DJIA | 41.433,48 | -1,14% | -2,26% |
| Nasdaq | 17.436,10 | -0,18% | -9,57% |
| Shanghai | 3.379,83 | 0,41% | 3,59% |
| Hang Seng | 23.782,14 | -0,01% | 21,19% |

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|-----------|-----------|--------|---------|
| Vàng | 2.912,39 | 0,99% | 9,56% |
| Dầu WTI | 66,67 | 1,40% | -8,83% |
| Dầu Brent | 69,91 | 1,25% | -7,89% |
| Than | 104,90 | 0,29% | -16,25% |
| Đồng | 4,76 | 3,03% | 19,28% |
| Quặng sắt | 100,99 | -0,30% | -2,53% |
| Thép | 445,45 | 0,11% | -0,74% |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|---------|-----------|--------|--------|
| DXY | 103,41 | -0,49% | -5,38% |
| USD/JPY | 147,86 | 0,56% | -6,11% |
| USD/CNY | 7,2286 | -0,45% | -1,53% |
| EUR/USD | 1,0915 | 0,66% | 6,34% |
| GBP/USD | 1,2949 | 0,57% | 4,60% |

HPG

(HOSE)

Khuyến nghị

Mua

Giá hiện tại (11/03/2025)

28.150

Giá mục tiêu ngắn hạn

32.000

Tiềm năng tăng trưởng

15%-16%

Vùng mua

27.600-27.800

Ngưỡng cắt lỗ

<26.300

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Năm 2024, doanh thu HPG đạt gần 138,8 nghìn tỷ đồng, tăng 16,7% svck và LNST đạt 12.019 tỷ đồng, tăng 75% svck. Sản lượng bán hàng của HPG đạt 8,1 triệu tấn, tăng 20% svck trong đó sản lượng thép xây dựng tăng 18% svck nhờ nhu cầu nội địa trong khi mảng thép HRC chưa có nhiều khởi sắc do cạnh tranh từ cả kênh xuất khẩu và trong nước.

Dự án Dung Quất 2: HPG hiện đang tiếp tục đầu tư cho dự án Dung Quất 2 với tổng vốn đầu tư 85.000 tỷ đồng, khi hoàn thiện có thể sản xuất tới 8,6 triệu tấn HRC. - Giai đoạn 1 dự kiến đi vào hoạt động từ Q1/2025. Kỳ vọng dự án này sẽ giúp sản lượng tiêu thụ HRC của HPG tăng 70% svck lên 5 triệu tấn trong năm 2025. HPG cũng thông tin đang nghiên cứu xây dựng Dự án Dung Quất 3 với tổng vốn đầu tư khoảng 86.000 tỷ đồng. Dự án này dự kiến sản xuất thanh ray dài 50-100m phục vụ tuyến đường sắt tốc độ cao.

Kỳ vọng sản lượng tiêu thụ của HPG tiếp tục cải thiện nhờ thị trường bất động sản phục hồi khi nhu cầu từ các dự án nhà ở thương mại ngày càng tăng. Cụ thể, số lượng dự án đang triển khai trong quý 4/2024 cao hơn 9,7% svck năm trước, và số lượng dự án được cấp phép mới trong năm 2024 tăng 36% so với năm trước.

Các dự án đầu tư công trọng điểm được đẩy mạnh, với kế hoạch giải ngân tăng 17% trong năm 2025, đạt 790 nghìn tỷ đồng, với các dự án chính bao gồm đường cao tốc, sân bay và cảng biển, và các dự án đường sắt, ga tàu. Hòa Phát cũng kỳ vọng gia tăng thị phần khi Dung Quất 2 đi vào hoạt động từ quý 1/2025, nhờ quyết định chống bán phá giá thép HRC từ Trung Quốc. Thêm vào đó, việc Mỹ tăng thuế nhập khẩu thép lên 25% không ảnh hưởng trực tiếp đến thép Việt Nam, vì thép Việt Nam đã bị đánh thuế 25% từ năm 2018, giúp ngành thép Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tốt hơn so với các quốc gia khác.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

HPG đang tích cực nắm giữ lại các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI nằm trong vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua tốt nhất.



Thông tin doanh nghiệp

| | |
|------------------------|-------------------|
| Phân ngành ICB L2 | Tài nguyên cơ bản |
| Biến động giá 1Y | 24.750-29.950 |
| KLGBQ 10D (CP) | 10.781.970 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 178.775,19 |
| BVPS | 17.878 |
| P/E (lần) | 14,87 |
| P/B (lần) | 1,45 |
| EPS (VND) | 1.879,16 |
| SL CPLH (triệu CP) | 6.395,25 |
| Tỷ lệ free-float (%) | 55,00 |
| Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%) | 21,50 |
| ROA (%) | 5,83 |
| ROE (%) | 11,07 |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| Xu hướng ngày | - | Tăng |
| Xu hướng tuần | - | Tăng |
| Xu hướng tháng | - | Đìnhang |
| RSI 14 | 61,94 | Mua |
| MFI | 60,60 | Mua |
| MA10 | 27,98 | Mua |
| MA20 | 27,25 | Mua |
| MA50 | 26,75 | Mua |
| MA100 | 26,78 | Mua |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|

Danh mục theo dõi

| | | | | | | | | | | |
|---|------------|----------|-----------|--|--|--------|--------|--|--|--|
| 1 | CSV | Theo dõi | 43,4-44,0 | | | 50.000 | 41.500 | | | |
| 2 | DCM | Theo dõi | 33,5-34,5 | | | 38.500 | 32.000 | | | |

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

| | | | | | | | | | | |
|----|------------|---------|-------------|------------|---------|---------|---------|--|--|-------|
| 1 | HAG | Nắm giữ | 11,8-12,4 | 30/12/2024 | 11.800 | 16.900 | 11.600 | | | 5,9% |
| 2 | TCB | Nắm giữ | 23,5-23,9 | 09/01/2025 | 23.750 | 27.000 | 22.500 | | | 17,9% |
| 3 | ACB | Nắm giữ | 24,6-25,0 | 15/01/2025 | 24.650 | 28.000 | 23.600 | | | 7,3% |
| 4 | STB | Nắm giữ | 35,5-36,3 | 23/01/2025 | 36.450 | 41.000 | 34.100 | | | 9,5% |
| 5 | PLX | Nắm giữ | 39,0-39,8 | 10/02/2025 | 39.600 | 44.000 | 37.500 | | | 9,3% |
| 6 | DPG | Nắm giữ | 45,5-46,5 | 13/02/2025 | 44.600 | 53.000 | 43.500 | | | 9,9% |
| 7 | PDR | Nắm giữ | 18,7-19,1 | 18/02/2025 | 19.100 | 22.500 | 17.800 | | | 7,9% |
| 8 | DXG | Nắm giữ | 14,7-14,1 | 19/02/2025 | 14.750 | 18.000 | 14.000 | | | 13,2% |
| 9 | TCH | Nắm giữ | 15,1-15,5 | 19/02/2025 | 15.800 | 17.800 | 14.600 | | | 13,3% |
| 10 | HDB | Nắm giữ | 22,7-23,0 | 24/02/2025 | 22.950 | 26.000 | 21.800 | | | 3,7% |
| 11 | MWG | Nắm giữ | 56,8-58 | 25/02/2025 | 57.400 | 65.000 | 54.500 | | | 9,8% |
| 12 | VRE | Nắm giữ | 16,9-17,1 | 27/02/2025 | 16.900 | 19.000 | 16.100 | | | 7,7% |
| 13 | DGW | Nắm giữ | 38,0-38,7 | 27/02/2025 | 38.700 | 44.000 | 36.600 | | | 7,2% |
| 14 | KBC | Nắm giữ | 29,4-29,7 | 27/02/2025 | 29.450 | 34.000 | 28.000 | | | 2,9% |
| 15 | GAS | Nắm giữ | 66,8-67,8 | 03/3/2025 | 68.100 | 74.500 | 64.500 | | | -1,0% |
| 16 | DGC | Nắm giữ | 107,6-109,0 | 06/3/2025 | 109.400 | 124.000 | 103.500 | | | -0,3% |
| 17 | MSN | Nắm giữ | 68,2-68,8 | 06/3/2025 | 68.300 | 78.000 | 65.400 | | | 0,9% |
| 18 | ANV | Nắm giữ | 16,8-17,4 | 7/3/2025 | 17.350 | 19.000 | 16.000 | | | 0,6% |
| 19 | IDC | Nắm giữ | 56,0-56,5 | 11/3/2025 | 56.000 | 62.000 | 53.500 | | | 1,1% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-------------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1 | PAN | Chốt lời | 22,2-22,8 | 10/12/2024 | 22.450 | 25.800 | 21.400 | 20/01/25 | 25.900 | 15,4% |
| 2 | VGC | Chốt lời | 43,0-44,0 | 24/12/2024 | 44.000 | 54.000 | 41.500 | 20/01/25 | 49.750 | 13,1% |
| 3 | ACV | Chốt lời | 120,0-123,0 | 23/01/2025 | 121.000 | 135.000 | 115.000 | 10/02/25 | 123.700 | 2,2% |
| 4 | HAX | Chốt lời | 16,0-16,5 | 17/01/2025 | 16.500 | 18.500 | 15.400 | 12/02/25 | 17.200 | 4,2% |
| 5 | VIB | Chốt lời | 19,2-19,6 | 17/01/2025 | 19.650 | 22.500 | 18.400 | 18/02/25 | 20.600 | 4,8% |
| 6 | LCG | Chốt lời | 10,2-10,4 | 4/02/2025 | 10.500 | 12.000 | 9.800 | 18/02/25 | 10.950 | 4,3% |
| 7 | DDV | Chốt lời | 18,1-18,5 | 12/02/2025 | 18.600 | 22.000 | 17.400 | 21/02/25 | 19.600 | 5,4% |
| 8 | VPB | Chốt lời | 18,8-19,2 | 17/01/2025 | 18.300 | 22.200 | 18.000 | 25/02/25 | 19.600 | 6,8% |
| 9 | DRC | Chốt lời | 27,9-28,3 | 17/02/2025 | 28.300 | 31.500 | 26.600 | 26/02/25 | 28.800 | 1,8% |
| 10 | TV2 | Chốt lời | 31,2-31,9 | 19/02/2025 | 31.650 | 36.000 | 30.000 | 26/02/25 | 35.700 | 11,5% |
| 11 | GMD | Chốt lời | 61,0-62,0 | 20/01/2025 | 61.900 | 72.000 | 58.500 | 28/02/25 | 61.300 | -1,0% |
| 12 | BMI | Chốt lời | 20,4-20,7 | 12/02/2025 | 20.500 | 23.000 | 19.500 | 28/02/25 | 21.900 | 6,8% |
| 13 | IDC | Chốt lời | 53,8-54,5 | 3/2/2025 | 54.200 | 60.000 | 51.500 | 03/03/25 | 57.500 | 6,1% |
| 14 | VCS | Chốt lời | 58,5-59,4 | 24/02/2025 | 58.600 | 67.000 | 57.000 | 04/03/25 | 59.500 | 1,5% |
| 15 | PVD | Chốt lời | 22,5-23,3 | 23/01/2025 | 23.100 | 26.000 | 21.700 | 05/03/25 | 24.400 | 5,6% |
| 16 | MBS | Chốt lời | 27,0-27,5 | 11/02/2025 | 27.400 | 31.500 | 26.000 | 05/03/25 | 30.800 | 12,4% |
| 17 | VCG | Chốt lời | 17,5-17,8 | 10/01/2025 | 18.000 | 20.900 | 16.800 | 07/03/25 | 22.300 | 22,2% |
| 18 | VHC | Chốt lời | 68,8-69,5 | 13/02/2025 | 69.400 | 78.000 | 65.800 | 07/03/25 | 71.200 | 2,4% |
| 19 | VHM | Chốt lời | 39,8-40,8 | 28/02/2025 | 40.850 | 45.000 | 38.000 | 07/03/25 | 45.750 | 6,7% |

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.